

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2022/HS-ST  
Ngày: 25 - 02 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Văn Hiệp.

*Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Ông Lý Văn Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đẹt là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Châu Hoàng T**, sinh năm: 1981 tại An Giang; Nơi cư trú: Ấp 4, xã X, thị xã C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không có; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Châu Văn H (chết) và bà Huỳnh Thị X; Vợ Nguyễn Thị K và có 01 con chung; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị khởi tố cho tại ngoại điều tra đến nay, bị cáo có mặt.

**Nguyên đơn dân sự:** Công ty trách nhiệm hữu hạn A do bà Trương Thị Thủy T – Giám đốc đại diện.

Địa chỉ trụ sở: Lô B06-1, Khu công nghiệp Đ – Hạnh Phúc, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Trương:** Ông Phạm Lộc H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 304C1, đường T, Phường 6, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2016), xin vắng.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Số 73/4, đường C, phường T, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, xin vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Trúc P, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Số 44B, QL60, phường S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.  
Chỗ ở hiện nay: Số 17A, chung cư 2, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, xin vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Số 00, Ấp 5, xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số 00, Ấp 5, xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, xin vắng mặt.

4. Ông Trần Văn H, sinh năm 1954.

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xin vắng mặt.

5. Ông Trần Văn H, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xin vắng mặt.

6. Ông Lâm Thanh B, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Số 00, đường B, Khu phố 1, Phường 2, thị xã K, tỉnh Long An, xin vắng mặt.

7. Ông Châu Quang T, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã X, thị xã C, tỉnh An Giang, xin vắng mặt.

8. Bà Lê Thị N, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Số 468, đường Nguyễn K, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, xin vắng mặt.

9. Ông Đinh Văn H, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Ấp 7 mét, xã Kiến Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, xin vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Lê T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Ấp Bình Đ, xã T, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, xin vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, xin vắng mặt.

12. Bà Lê Thị Kim Q, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, xin vắng mặt.

13. Ông Phan Đình C, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An, xin vắng mặt.

14. Ông Đặng Thành T, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã P, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, xin vắng mặt.

**- Người làm chứng:**

1. Bà Phạm Thu Hà, sinh năm 1959, vắng mặt.

2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1976, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14/7/2015, Công ty TNHH A tiếp nhận bị cáo Châu Hoàng T vào làm thuê trong Công ty. Đến ngày 10/12/2015, bị cáo T được Công ty phân công làm tại bộ phận tiếp thị chăm sóc khách hàng với nhiệm vụ quảng bá, tiếp thị sản phẩm và bán sản phẩm của Công ty cho các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An, tỉnh Tiền Giang đồng thời xác nhận công nợ, thu tiền nợ ở các đại lý mua

hàng nhưng còn nợ lại về giao nộp lại cho Công ty. Trong quá trình làm việc, bị cáo T lợi dụng sự tin tưởng, tín nhiệm của Công ty A để chiếm đoạt số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 13/2/2016, bị cáo T tạm ứng lấy của Công ty 08 thùng thuốc bảo vệ thực vật hiệu Newcheck 555WP-Cam-Vũ Hoa-15GR gồm 200 gói 1 thùng, mỗi gói 14.500đồng, tổng cộng 23.200.000đồng. Sau đó, bị cáo T đem bán cho các đại lý dưới hình thức bán nợ lại gồm:

- Đại lý của ông Đặng Văn H: 03 thùng, mỗi thùng có 200 gói, mỗi gói giá 14.500đồng, tổng số tiền là 8.700.000đồng.

- Đại lý của ông Nguyễn Lê T: 02 thùng, mỗi thùng có 200 gói, mỗi gói giá 15.500đồng, tổng số tiền là 6.200.000đồng.

- Bị cáo T đem bán cho các hộ dân không xác định được địa chỉ ở tỉnh Long An: 03 thùng, tổng số tiền 8.300.000đồng.

Tổng số tiền mặt, bị cáo T thu được khi bán hàng cho các đại lý nêu trên là 23.200.000đồng.

Đến ngày 22/2/2016, bị cáo T đưa hóa đơn về giao cho Công ty nhưng không giao số tiền bán được cho các đại lý mà tạo 02 hóa đơn có ghi nội dung đại lý 7 Hmua 03 thùng Newcheck 555WP-Cam-Vũ Hoa-15GR giá 8.700.000đồng và đại lý Thanh N mua 5 thùng Newcheck 555WP-Cam-Vũ Hoa-15GR giá 14.500.000đồng dưới hình thức mua nợ, hàng ký gửi lại đại lý thời hạn 20 ngày. Bị cáo T tự ký tên ông H, ông T vào mục người mua hàng và ghi đã nhận hàng, chưa thanh toán tiền nhằm chiếm đoạt số tiền 23.200.000đồng.

Lần 2: Ngày 22/2/2016, bị cáo T tạm ứng lấy của Công ty các loại thuốc bảo vệ thực vật gồm: 01 thùng hiệu SIEUTINO 780NG-8GR gồm 600 gói/ 1 thùng, mỗi gói giá 5.900đồng, tổng số tiền 3.540.000đồng; 05 thùng hiệu New check 555WP, gồm 200 gói/1 thùng, mỗi gói giá 16.000đồng, tổng số tiền là 16.000.000đồng. Đến ngày 26/2/2016, bị cáo T tạm ứng lấy thêm 03 thùng hiệu Stop 50g/l gồm 20 chai/1 thùng, mỗi chai giá 48.000đồng, tổng số tiền là 2.880.000đồng. Sau đó, bị cáo T đem bán cho các đại lý dưới hình thức bán nợ gồm:

- Đại lý của ông Nguyễn Minh T: 03 thùng hiệu Stop 50SC/l với giá mỗi chai 45.000đồng (Do đại lý không đồng ý mua giá 48.000đồng của Công ty đưa ra) tổng số tiền là 2.700.000đồng; 01 thùng hiệu New check 555wp với giá mỗi gói 14.500đồng (Đại lý không đồng ý mua giá 16.000đồng của Công ty đưa ra) tổng số tiền là 2.900.000đồng; 01 thùng hiệu SIEUTINO 780NG-8GR với giá mỗi gói 4.400đồng (Đại lý không đồng ý mua giá 5.900đồng của Công ty đưa ra) tổng số tiền là 2.640.000đồng. Tổng số tiền thu được khi bán hàng cho ông T là 8.240.000đồng.

- Đại lý của bà Lê Thị Kim Q: 04 thùng hiệu New cheek 555wp với giá mỗi gói 14.500 đồng (Đại lý không đồng ý mua giá 16.000đồng của Công ty đưa ra) với số tiền 11.600.000đồng.

Tổng số tiền mặt, bị cáo T thu được khi bán hàng cho các đại lý nêu trên là 19.840.000đồng.

Đến ngày 07/3/2016, bị cáo T đưa hóa đơn về giao cho Công ty nhưng không giao số tiền bán được cho các đại lý mà lập hóa đơn thể hiện 02 đại lý trên mua hàng bằng hình thức mua nợ ký gửi lại đại lý và giả chữ ký của ông T, bà Q và ghi đã nhận đủ hàng nhằm chiếm đoạt số tiền 19.840.000đồng.

Lần 3: Vào ngày 14/3/2016, bị cáo T tạm ứng lấy của Công ty 04 thùng thuốc bảo vệ thực vật hiệu Bimy 800.8WP-100GR, mỗi thùng 100 gói, mỗi gói 20.900đồng, tổng số tiền là 8.360.000đồng và 02 thùng hiệu Newchek 555WP-Cam- Vũ Hoa 15GR mỗi thùng 400 gói, mỗi gói giá 16.000đồng tổng số tiền là 6.400.000đồng. Sau đó, bị cáo T đem bán cho 02 đại lý gồm:

- Đại lý của ông Đặng Thành T: 02 thùng hiệu Newchek 555WP- Cam- Vũ Hoa 15GR với giá 15.500đồng/1 gói (Đại lý không đồng ý mua giá 16.000đồng của Công ty đưa ra), tổng số tiền 6.200.000đồng.

- Đại lý của ông Phan Đình C: 04 thùng hiệu Bimy 800.8WP-100GR, tổng số tiền là 8.360.000đồng.

Tổng số tiền mặt, bị cáo T thu được khi bán được cho 02 đại lý trên là 14.560.000đồng. Bị cáo T không giao tiền, không giao hóa đơn cho Công ty mà chiếm đoạt luôn số tiền này.

Ngoài ra, vào ngày 04/3/2016, bị cáo T đến đại lý của ông Trần Văn H thu nợ cho Công ty A số tiền 6.000.000đồng và Đại lý của ông Trần Văn H thu nợ cho Công ty A số tiền 8.000.000đồng. Ngày 08/3/2016, bị cáo T đến đại lý của ông Lâm Thanh B thu nợ cho Công ty A số tiền 10.000.000đồng, Tổng số tiền thu nợ nêu trên là 24.000.000đồng, bị cáo T chiếm đoạt không giao lại cho Công ty.

Tổng số tiền, bị cáo T chiếm đoạt của Công ty TNHH A từ ngày 13/02/2016 đến ngày 14/3/2016 là 81.600.000đồng.

Tại Kết luận giám định số 765/2021/KLGD ngày 24/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An kết luận như sau: Chữ viết bắt đầu “Ngày 08/03/2016 ...” và kết thúc “... Châu Hoàng T bằng bút bic màu xanh, chữ ký mang tên “Châu Hoàng T” bằng bút bic màu xanh, trên tờ biên nhận tiền (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A1); chữ viết bắt đầu “Ngày 04/03/2016 ...” và kết thúc “... Châu Hoàng T” bằng bút bic màu xanh, chữ ký mang tên “Châu Hoàng T” bằng bút bic màu xanh, trên tờ biên nhận tiền (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A2) với: Chữ viết bắt đầu “HỢP ..” và kết thúc “... Trạm” bằng bút bic màu xanh, chữ ký bằng bút bic màu xanh, trên tờ “HỢP Trạm” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M1); chữ viết bắt đầu “HỢP ...” và kết thúc “... 1000 m2” bằng bút bic màu xanh, chữ ký bằng bút bic màu xanh, trên tờ “HỢP KNV” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M3); chữ viết bắt đầu “TT ...” và kết thúc “... Địa điểm :” bằng bút bic màu xanh, chữ ký bằng bút bic màu xanh, trên 02 tiêu đề “Điểm trình diễn” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M5); chữ viết bắt đầu “23/5/14 ...” và kết thúc “... 2014” bằng bút bic màu xanh, 02 (hai) chữ ký bằng bút bic màu xanh, trên tờ “HỢP TRẠM” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M7); chữ viết bắt đầu “ngày 22/8/2021 ...” và kết thúc “... Châu Hoàng T” bằng bút bic màu xanh, chữ ký mang tên “Châu Hoàng T” bằng bút bic màu xanh, trên 04 (bốn) tờ xác nhận (đóng dấu TLMSS, ký hiệu: M2, M4, M6 và M8), là do cùng một người viết và ký ra.

Tại Kết luận giám định số 847/2021/KLGD ngày 29/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Long An kết luận như sau:

Chữ viết: “7 H(Đăng Văn H) ĐT: 0908485040”. “ấp 7 Mết, xã Kiên Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An”, “Châu Hoàng T”, “New check 555VP gói 600 145000đ 7.700.000 đ” “gửi 20 ngày”, “8.700.000 đ”, “8.700.000đ” và “( nhận đủ hàng chưa thanh toán tiền” bằng bút bic màu xanh (ở dòng 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9 và 10) trên tờ hóa đơn (đóng dấu TLCDGĐ, ký hiệu A1), chữ viết: “Đại lý: Thanh N ĐT: 01273273067”, “ấp Bình Đ, xã T, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An”, “New check 555VP gói 1000g 14500đ 14500000đ” “Ký gửi 20 ngày”, “14500 000 đ”, “14500.000 đ” và “Nhận đủ hàng chưa thanh toán tiền” bằng bút bic màu xanh (ở dòng 2, 3, 6, 7, 9, 10 và 12) trên tờ hóa đơn (đóng dấu TLCDGĐ, ký hiệu A2); chữ viết: “Đại lý: Thế N (Lê Thị Kim N)”, “Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An ĐT: 0973144940”, “Châu Hoàng T”, “New check 555VP gói 04 800 14500đ 11.600 000đ”, “11.600.000đ” và “( mười một triệu sáu trăm nghìn đồng )” bằng bút bic màu xanh (ở dòng 2, 3, 4, 5, 7 và 8) trên tờ “Phiếu báo giá” (đóng dấu TLCDGĐ, ký hiệu A3) với: Chữ viết bắt đầu “HQP và kết thúc “... Trạm” bằng bút bic màu xanh trên tờ “HQP Trạm” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M1), chữ viết bắt đầu “HQP .” và kết thúc “... 1000 m2” bằng bút bic màu xanh trên tờ “HQP KNV” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M3), chữ viết bắt đầu “TT ...” và kết thúc “... Địa điểm :” bằng bút bic màu xanh trên 02 tiêu đề “Điểm trình diễn” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M5), chữ viết bắt đầu “23/5/14 ...” và kết thúc “... 2014” bằng bút bic màu xanh, trên tờ “HQP TRAM” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M7), chữ viết bắt đầu “ngày 22/8/2021 ...” và kết thúc “... Châu Hoàng T” bằng bút bic màu xanh trên 04 (bốn) tờ xác nhận (đóng dấu TLMSS, ký hiệu: M2, M4, M6 và M8), chữ viết bắt đầu “Châu HoàngT ...” và kết thúc “... Châu Hoàng T” bằng bút bic màu xanh trên tờ “Bản tự khai” (đóng dấu TLMSS, ký hiệu M9), là do cùng một người viết ra.

Ngày 26/3/2019, ông Châu Quang T là anh ruột của bị cáo đã thay bị cáo bồi thường cho Công ty A số tiền 81.800.000đồng

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKSĐH ngày 02/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Châu Hoàng T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Châu Hoàng T gây ra; Đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Châu Hoàng T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Châu Hoàng T với mức hình phạt từ 09 tháng đến 01 năm tù

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại sau khi nhận lại tài sản và thỏa thuận bồi thường giá trị tài sản xong không yêu cầu gì khác nên không đề cập xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ quan đến vụ án ông Châu Quang T không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 81.800.000đ mà ông Thái đã bỏ ra bồi thường cho nguyên đơn dân sự nên không đề cập xem xét.

Về tang vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp xong nên không đề cập xem xét.

Trước Tòa, bị cáo hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố, không đưa ra chứng cứ nào để minh oan, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử, các quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án, trước tòa bị cáo T khai nhận: Xuất phát từ việc muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không cần bỏ công sức ra lao động nên vào khoảng thời gian từ ngày 13/2/2016 đến ngày 14/3/2016, tại Công ty TNHH A thì bị cáo Châu Hoàng T với vai trò là nhân viên của Bộ phận phát triển thị trường có nhiệm vụ quảng bá, tiếp thị sản phẩm và bán sản phẩm của Công ty cho các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An đồng thời xác nhận công nợ, thu tiền nợ ở các đại lý mua hàng nhưng còn nợ lại của công ty A đã lợi dụng vào sự tin tưởng, tín nhiệm để chiếm đoạt tiền của Công ty. Nên khi Công ty cho bị cáo T tạm ứng thuốc bảo vệ thực vật đi giao bán cho các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An để về giao tiền lại cho Công ty, bị cáo T 03 lần nhận thuốc đi giao bán, đã bán và thu được số tiền là 57.600.000đồng nhưng bị cáo T không giao nộp lại cho công ty. Ngoài ra, bị cáo T còn thu tiền nợ 14.000.000đồng của các đại lý nhưng không giao nộp Công ty mà giữ tiêu xài cá nhân hết. Tổng số tiền, bị cáo T chiếm đoạt của Công ty A là 81.600.000đồng.

Lời khai nhận của bị cáo Châu Hoàng T trước Tòa phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, của người làm chứng và tang vật chứng thu giữ đã được thẩm tra xác minh công khai tại phiên Tòa, phù hợp với nội dung bản cáo trạng. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Châu Hoàng T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Châu Hoàng T với các tội danh và Điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản mà bị cáo Châu Hoàng T gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu

hợp pháp về tài sản của người khác - quyền này được pháp luật Hình sự bảo vệ nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo T không những xâm hại trực tiếp đến tài sản của nguyên đơn dân sự mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trái pháp luật của bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật Hình sự, cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục - răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt. Bị cáo sau khi phạm tội, đến Công an huyện Đức Hòa đầu thú, trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo yêu cầu gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường phần trách nhiệm dân sự cho nguyên đơn dân sự và nguyên đơn dân sự có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nhưng bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là phạm tội 02 lần trở lên nên có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi áp dụng hình phạt. Xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Châu Hoàng T là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

[5.1] Bị hại Công ty TNHH A sau khi nhận lại tài sản và thỏa thuận bồi thường giá trị tài sản xong không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5.5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ quan đến vụ án ông Châu Quang T không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 18.800.000đ mà ông Thái đã bỏ ra thay bị cáo T bồi thường cho Công ty TNHH A nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về tang vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp xong nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[7] Bị cáo Châu Hoàng T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Châu Hoàng T phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Châu Hoàng T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Buộc bị cáo Châu Hoàng T nộp 200.000đồng án phí Hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Án này là sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án huyện Đức Hòa;
- Các bị cáo;
- Bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Văn Hiệp**